

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST
Ngày 10 - 8 - 2021
V/v Tranh chấp về hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Khảm

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2020/TLST-KDTM ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần C t V N;

Địa chỉ: Số 108, T H Đ, quận H K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần C t V N.

Địa chỉ nơi làm việc: Ngân hàng Thương mại cổ phần C t V N- số 108, T H Đ, quận H K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Đức T:

+ Ông Trần Quang T1 – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần C t V N – Chi nhánh Bình Xuyên (vắng mặt).

+ Ông Hà Như H – Chức vụ: Cán bộ Phòng Tổng hợp Ngân hàng Thương mại cổ phần C t V N – Chi nhánh B X (có mặt).

Đều có địa chỉ nơi làm việc: Ngân hàng Thương mại cổ phần C t V N – Chi nhánh B X – Thị trấn H C, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Ông Vũ Đình H1 – Chức vụ: Trưởng phòng Giao dịch Yên Lạc - Ngân hàng Thương mại cổ phần C t V N – Chi nhánh B X (vắng mặt).

Địa chỉ nơi làm việc: Ngân hàng Thương mại cổ phần C t V N - Chi nhánh B X - Phòng Giao dịch Y L - Thị trấn Y L, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc.

(theo Văn bản ủy quyền số 013/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 08 tháng 01 năm 2020).

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị C, sinh năm 1983 (có mặt);
Địa chỉ: Khu 3, thôn T, thị trấn Y L, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- + Ông Nguyễn Văn T 2, sinh năm 1949 (vắng mặt);
- + Cháu Nguyễn Thị H2, sinh ngày 13/10/2003 (vắng mặt);
- + Cháu Nguyễn Thị Huyền D, sinh ngày 20/9/2006 (có mặt);
- + Cháu Nguyễn Tấn D1, sinh ngày 29/8/2010 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu H2, cháu D, cháu D1: Chị Phạm Thị C, sinh năm 1983 (có mặt).

Đều có địa chỉ: Khu 3, thôn T, thị trấn Y L, huyện Y L, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 9 năm 2020 và những lời khai tiếp theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hà Như H trình bày:

Ngày 16/8/2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần C t V N – Chi nhánh Bình Xuyên – Phòng Giao dịch Yên Lạc và anh Nguyễn Văn S, chị Phạm Thị C ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 19.90.0084/2019-HĐCVHM/NHCT262, theo đó anh S vay Ngân hàng số tiền 1.000.000.000đồng; mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh gỗ tạp; thời hạn vay tối đa không quá 6 tháng; thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng kể từ ngày 16/8/2019 cho đến hết ngày 16/8/2020; lãi suất vay theo lãi suất điều chỉnh, tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng lãi suất vay vốn 8,1%/năm (Áp dụng chương trình khuyến mại “Lãi suất ưu đãi – Vững chãi tương lai”. Ưu đãi tối đa 06 tháng kể từ ngày giải ngân). Sau khi hết ưu đãi, áp dụng lãi suất là 9%. Lãi suất hiện tại là 9%/năm và phạt quá hạn gốc là 50%. Trong hợp đồng cho vay hạn mức, chị C là người liên đới nghĩa vụ trả nợ. Tại giấy nhận nợ số 01 ngày 16/8/2019 thể hiện anh S đã nhận số tiền vay của Ngân hàng là 1.000.000.000đồng; ngày giải ngân khoản nợ là ngày 16/8/2019; mục đích sử dụng khoản nợ là thanh toán tiền hàng; phương thức giải ngân là chuyển khoản; thời hạn trả nợ là 06 tháng; ngày trả nợ là ngày 16/02/2020; kỳ hạn trả nợ lãi 01 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng bắt đầu từ ngày 16/9/2019; kỳ hạn trả nợ gốc vào ngày 16/02/2020.

Để đảm bảo cho khoản vay, anh S, chị C đã ký hợp đồng thế chấp, theo đó anh S, chị C đã thế chấp các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và các quyền, lợi ích, khoản thanh toán mà bên thế chấp có thể nhận được sau thời điểm hợp đồng này có hiệu lực liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 460.2, tờ bản đồ số 04, diện tích 110m², mục đích sử dụng 100m² làm nhà ở, 10 m² đất vườn; địa chỉ thửa đất: Thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Đ 924985, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 460.2 QĐ992.QSĐĐ/22/6/2004 do Ủy ban nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 22/6/2004, đứng tên chủ hộ anh Nguyễn Văn S, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 19.90.0084/2019/HĐBĐ/NHCT262 ngày 16/8/2019 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C t V N – Chi nhánh Bình Xuyên – Phòng Giao dịch Yên Lạc với anh Nguyễn Văn S, chị Phạm Thị C, được công chứng số công

chứng 3083 quyền số 03-2019/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 16/8/2019 tại Phòng Công chứng Mạnh Anh tỉnh Vĩnh Phúc, đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật tại Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 16/8/2019.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh S, chị C đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong hợp đồng cho vay, giấy nhận nợ.

Đến kỳ trả nợ, anh S, chị C đã trả được số nợ tiền gốc 265.000.000đồng và số tiền lãi trong hạn 44.577.000đồng.

Ngày 05/02/2020, anh S chết.

Từ ngày 17/02/2020, anh S, chị C không trả cả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã khởi kiện đối với chị C.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 25/3/2021, chị C đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc 235.000.000đồng.

Tính đến ngày 10/8/2021, anh S, chị C còn nợ số tiền 647.910.139đồng, trong đó số nợ tiền gốc 500.000.000đồng, tiền lãi trong hạn 101.043.878đồng, lãi phạt quá hạn 46.866.261đồng.

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Phạm Thị C và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh S là chị Phạm Thị C, ông Nguyễn Văn T 2, cháu Nguyễn Thị H2, cháu Nguyễn Thị Huyền D, cháu Nguyễn Tấn D1 phải trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Tại phiên tòa, Ngân hàng thay đổi yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Phạm Thị C phải trả cho Ngân hàng số tiền 647.910.139đồng, trong đó số nợ tiền gốc 500.000.000đồng, tiền lãi trong hạn 101.043.878đồng, lãi phạt quá hạn 46.866.261đồng và các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 19.90.0084/2019-HĐCVHM/NHCT262 ngày 16/8/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Nếu chị Phạm Thị C không trả khoản nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh Nguyễn Văn S, chị Phạm Thị C đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì chị Phạm Thị C vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

- Chị Phạm Thị C là bị đơn, đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu H2, cháu D, cháu D1 trình bày:

Chị xác nhận việc anh S có vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương V N theo hợp đồng cho vay, giấy nhận nợ và vợ chồng chị đã thế chấp các tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản như đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương V N trình bày ở trên là đúng. Chị cũng thừa nhận số tiền vợ chồng chị vay của Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng, mục đích là để trả tiền hàng do vợ chồng làm ăn kinh doanh còn nợ, số tiền gốc và tiền lãi đã trả và số tiền gốc và tiền lãi còn nợ đúng như đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương V N đã xác định. Chị thừa nhận do anh S và chị đã vi phạm

không thực hiện đầy đủ và đúng hạn các thỏa thuận trong hợp đồng cho vay nên Ngân hàng đã khởi kiện đối với chị. Tuy nhiên, việc anh S và chị không thực hiện đúng thỏa thuận theo hợp đồng vay là do vợ chồng chị gặp khó khăn về kinh tế và do anh S chết ngày 06/02/2020 nên chị gặp khó khăn về kinh tế nhiều hơn chứ không phải cố tình không thực hiện việc trả nợ.

Đối với tài sản thế chấp là nhà, đất mà anh S và chị đã thế chấp để vay Ngân hàng là tài sản chung của vợ chồng chị. Nguồn gốc diện tích đất mà vợ chồng thế chấp là do ông Nguyễn Văn T 2 là bố anh S cho vợ chồng từ năm 2004. Việc tặng cho đã làm thủ tục theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi được tặng cho đất, vợ chồng chị sử dụng làm xưởng mộc. Năm 2011, vợ chồng chị làm nhà ở và sử dụng từ đó cho đến nay.

Anh S chết không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của anh S là chị Phạm Thị C, cháu Nguyễn Thị H2, cháu Nguyễn Thị Huyền D, cháu Nguyễn Tấn D1 và ông Nguyễn Văn T 2 chưa được phân chia di sản thừa kế của anh S để lại và cũng chưa có thỏa thuận với nhau về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của anh S.

Vợ chồng chị có đăng ký kinh doanh và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 19F8003949, đăng ký lần đầu ngày 24/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 09/3/2011, đứng tên hộ kinh doanh là anh Nguyễn Văn S, ngành nghề kinh doanh là sản xuất, mua bán đồ mộc dân dụng; mua bán gỗ tạp; chế biến lâm sản; bán hàng tạp hóa, mỹ phẩm, hàng giải khát; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô; vận tải hành khách bằng xe ô tô.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như Ngân hàng trình bày ở trên về tổng số tiền phải trả, số tiền nợ gốc, số tiền nợ lãi, tiền lãi phát sinh và việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp chị không trả được nợ cho Ngân hàng thì chị đồng ý với toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng cụ thể như đại diện Ngân hàng yêu cầu về số tiền gốc, tiền lãi phải trả và số tiền lãi phát sinh. Trong trường hợp chị không trả được nợ cho Ngân hàng thì chị đồng ý để cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản mà anh S và chị đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp mà anh S và chị đã ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương V N. Tuy nhiên, chị đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện miễn cho chị toàn bộ tiền lãi phải trả và cho chị trả dần số tiền nợ gốc vì hiện nay hoàn cảnh gia đình chị đang khó khăn, chồng chị chết, một mình chị phải nuôi ba con là cháu H2, cháu D, cháu D1 và lo cho ông T 2 là bố chồng chị đã già yếu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T 2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án ông T 2 trình bày:

Ông là bố đẻ anh Nguyễn Văn S. Năm 2002, ông xây dựng gia đình cho anh S và chị Phạm Thị C. Việc anh S, chị C vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần C t V N như thế nào ông không biết nhưng đến nay, chị C có nói với ông về việc vợ chồng chị vay Ngân hàng số tiền 1.000.000.000 đồng để kinh doanh. Anh S, chị C có thế chấp cho Ngân hàng thửa đất số 460.2, tờ bản đồ số 04, diện tích 110m² trong đó có 100m² và 10m² đất vườn có địa chỉ tại khu 3, thôn Tiên, thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc để vay tiền, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Đ 924985 do Ủy ban nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 22 tháng 6 năm 2004, đứng tên chủ hộ là anh Nguyễn Văn S. Thửa đất

này là của ông cho vợ chồng anh S, chị C. Ngày 05/02/2020, anh S chết không để lại di chúc.

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng yêu cầu chị C, ông và ba con chung của chị C, anh S là cháu H2, cháu D, cháu D1 phải trả nợ cho Ngân hàng thì ông đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Nếu không trả được nợ, ông đồng ý xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Thị H2, cháu Nguyễn Thị Huyền D, cháu Nguyễn Tấn D1 quá trình giải quyết vụ án trình bày: Việc bố, mẹ cháu vay tiền ngân hàng và thế chấp tài sản cụ thể như thế nào thì cháu không biết. Cháu không có ý kiến gì về việc thế chấp tài sản. Toàn bộ khối tài sản mà bố, mẹ cháu thế chấp để vay tiền ngân hàng là của bố, mẹ cháu. Cháu không có đóng góp và không có công sức gì vào khối tài sản mà bố, mẹ cháu thế chấp để vay tiền ngân hàng. Bố cháu chết ngày 05/02/2020, không để lại di chúc. Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng yêu cầu mẹ cháu và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bố cháu là mẹ cháu, ông nội cháu và ba chị em cháu phải trả nợ cho Ngân hàng thì cháu đồng ý trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Nhưng hiện nay cháu còn nhỏ, khi nào cháu lớn cháu sẽ đi làm kiếm tiền để trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp mẹ cháu và ông cháu không trả được toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng, cháu không đồng ý để cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên phát mại tài sản bảo đảm mà bố mẹ cháu đã thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng. Cháu đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt cháu. Mẹ cháu là người đại diện hợp pháp cho cháu nên ý kiến của mẹ cháu như thế nào thì cháu đồng ý như thế.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T 2 còn chưa chấp hành đúng, đủ đúng theo quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các điều 280, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C t V N buộc chị C phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 10/8/2021 là 647.910.139 đồng, trong đó số nợ tiền gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 101.043.878 đồng, lãi phạt quá hạn 46.866.261 đồng và lãi phát sinh sau ngày 10/8/2021 cho đến khi trả hết nợ gốc, lãi tiền vay; Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng phát mại tài sản mà anh S, chị C đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng trong trường hợp chị C không trả được nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm nhưng không đủ để thanh toán nợ thì chị C vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp

việc xử lý tài sản bảo đảm vượt quá phần nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C t V N phải trả lại cho chị C và những người thuộc hàng thừa kế của anh S phần tài sản vượt quá; Về án phí, chi phí xem xét thẩm định: Chị C phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T 2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông T 2 vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn T 2.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại cổ phần Côngthương V N khởi kiện đối với chị Phạm Thị C có hộ khẩu thường trú tại khu 3, thôn Tiên, thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc và yêu cầu người có nghĩa vụ phải trả số tiền gốc, tiền lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C t V N và anh S, chị C. Vợ chồng anh S, chị C đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng về thẩm quyền.

[3]. Về Nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C t V N đối với chị Phạm Thị C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C t V N và anh S, chị C có thỏa thuận ký với nhau Hợp đồng cho vay hạn mức số 19.90.0084/2019-HĐCVHM/NHCT262 ngày 16/8/2019, giấy nhận nợ số 01 ngày 16/8/2019, theo đó Ngân hàng cho anh S vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Chị C ký với tư cách là người liên đới nghĩa vụ trả nợ. Anh S, chị C không thanh toán số tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng mà các bên đã ký. Tính đến ngày 10/8/2021, anh S, chị C còn nợ Ngân hàng số tiền 647.910.139 đồng, trong đó số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng, nợ tiền lãi trong hạn 101.043.878 đồng, lãi phạt quá hạn 46.866.261 đồng. Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Do anh S chết, chị C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Ngân hàng Thương mại cổ phần C t V N khởi kiện yêu cầu chị C phải thanh toán tổng số tiền còn nợ là 647.910.139 đồng, trong đó số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng, nợ tiền lãi trong hạn 101.043.878 đồng, lãi phạt quá hạn 46.866.261 đồng và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 11/8/2021 là có căn

cứ, phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 280, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong vụ án này anh S, chị C là người đã vay khoản nợ trên đối với Ngân hàng. Anh S đã chết nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị C phải trả toàn bộ khoản nợ trên. Hàng thừa kế thứ nhất của anh S là chị Phạm Thị C, cháu Nguyễn Thị H2, cháu Nguyễn Thị Huyền D, cháu Nguyễn Tấn D1 và ông Nguyễn Văn T 2 chưa được phân chia di sản thừa kế của anh S để lại và những người này chưa có thỏa thuận về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của anh S nên cháu Nguyễn Thị H2, cháu Nguyễn Thị Huyền D, cháu Nguyễn Tấn D1 và ông Nguyễn Văn T 2 không có trách nhiệm đối với khoản nợ này. Anh S, chị C là vợ chồng, khoản vay ngân hàng này do anh S, chị C cùng thỏa thuận, xác lập nên xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng. Khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ chồng: “Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”.

Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: “Vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: 1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận, xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm”.

Như vậy, anh S chết thì chị C phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của anh S.

Do đó, cần buộc chị C trả toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 10 tháng 8 năm 2021 là 647.910.139 đồng, trong đó số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng, nợ tiền lãi trong hạn 101.043.878 đồng, lãi phạt quá hạn 46.866.261 đồng. Chị C phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng đối với khoản nợ gốc chưa trả kể từ ngày 11/8/2021 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

Việc chị C đề nghị Ngân hàng miễn cho chị toàn bộ số tiền lãi và cho chị được trả dần số tiền gốc nhưng Ngân hàng không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của chị C.

Đối với tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng thửa đất số 460.2, tờ bản đồ số 04, diện tích 110m², được cấp đứng tên chủ hộ Nguyễn Văn S theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 924985, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 460.2 QĐ 992 QSDĐ/22/6/2004, do Ủy ban nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 22/6/2004, địa chỉ thửa đất: Thôn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Qua đo đạc thực tế diện tích đất là 104,3m², giảm 5,7m² đất so với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua xác minh diện tích đất đo thực tế giảm 5,7m² là do sai số trong quá trình đo đạc và tính toán diện tích khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và do quá trình sử dụng có sự xê dịch về diện tích. Chị C và Ngân hàng không có ý kiến gì về việc diện tích đất bị giảm so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất 104,3m² có ranh giới như sau: Cạnh 1 - 2 giáp đường tỉnh lộ dài 5,27m; cạnh 2 - 3 giáp đất hộ ông Kiểm Tươi dài 23,09m; cạnh 3 - 4 giáp đất hộ ông Tống dài 3,95m; cạnh 4 - 1 giáp đất hộ ông Đông Phúc dài 22,70m (có sơ đồ hiện trạng kèm theo). Toàn bộ diện tích đất trên đã được phân định ranh giới với các hộ liền kề bằng tường nhà, địa phương xác nhận không có lấn chiếm hay

tranh chấp gì. Các tài sản gắn liền trên đất do anh S, chị C tạo lập gồm 01 nhà hai tầng rưỡi, sàn lếch, khung cứng xây gạch, trên cùng lợp mái tôn. Diện tích một sàn là 86,9m², tầng trên cùng (tầng lửng) được xây cao trung bình là 3m, mái được lợp bằng tôn có hệ thống khung giằng vì kèo sà gồ, khung sắt thép V4. Phía trước nhà có một phần mái le có xây tường lợp mái tôn, cửa xếp diện tích 17,4m², đến nay vẫn giữ nguyên hiện trạng, gia đình không coi nói, xây dựng, sửa chữa công trình gì, không tranh chấp với ai.

Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 19.90.0084/2019/HĐBĐ/NHCT262 ngày 16/8/2019 thấy rằng: Hợp đồng được đăng ký thế chấp ngày 16/8/2019 tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc là có hiệu lực pháp luật và có hiệu lực thi hành theo quy định tại các điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điểm a, d khoản 3 Điều 167, khoản 1 Điều 168 và khoản 2 Điều 170 Luật Đất đai năm 2013. Toàn bộ tài sản thế chấp đều có trước thời điểm thế chấp. Khi thế chấp anh S, chị C đều tự nguyện. Nếu chị C không trả được nợ cho Ngân hàng thì tài sản đã thế chấp (đứng tên chủ hộ anh Nguyễn Văn S) sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định tại các điều khoản của hợp đồng thế chấp tài sản. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì chị C vẫn phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc, tiền lãi, tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần được chấp nhận, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ là 2.800.000đồng. Bị đơn phải chịu chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ là 2.800.000đồng. Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, do đó bị đơn chị Phạm Thị C phải hoàn trả số tiền trên cho nguyên đơn.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu 20.000.000đồng (đối với số tiền 400.000.000đồng) và 4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000đồng (là 247.910.139đồng x 4%)=9.916.405đồng. Tổng cộng án phí phải chịu là 20.000.000đồng + 9.916.405đồng =29.916.405đồng (làm tròn 29.916.000đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 280, Điều 292, Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ khoản 2 Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C t V N.

Buộc chị Phạm Thị C phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương V N tổng số tiền tính đến ngày 10/8/2021 là 647.910.139 đồng, trong đó số nợ tiền gốc 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 101.043.878 đồng, lãi phạt quá hạn 46.866.261 đồng.

2. Trong trường hợp chị Phạm Thị C không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C t V N được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng 104,3m² đất và tài sản trên đất là 01 nhà hai tầng rưỡi, sàn lợp, khung cứng xây gạch, trên cùng lợp mái tôn. Diện tích một sàn là 86,9m², tầng trên cùng (tầng lửng) được xây cao trung bình là 3m, mái được lợp bằng tôn có hệ thống khung giằng vì kèo sà gồ, khung sắt thép V4. Phía trước nhà có một phần mái le có xây tường lợp mái tôn, cửa xếp diện tích 17,4m², thuộc thửa đất số 460.2, tờ bản đồ số 04, địa chỉ thửa đất: Thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chủ hộ Nguyễn Văn S. Trong trường hợp phát mại tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì chị C phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ. Nếu số tiền phát mại tài sản còn thừa sau khi đã trả đủ khoản nợ cho Ngân hàng thì trả lại cho chị C và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh S.

Kể từ ngày 11/8/2021, chị C còn phải tiếp tục chịu khoản lãi suất phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số 19.90.0084/2019-HĐCVHM/NHCT262, ký ngày 16/8/2019 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 16/8/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc chị Phạm Thị C phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C t V N chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ là 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng).

4. Về án phí: Chị Phạm Thị C phải nộp 29.916.000 đồng (hai mươi chín triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương V N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.061.000 đồng (mười tám triệu không trăm sáu mươi một nghìn

đồng) theo biên lai thu số AA/2020/0000280 ngày 20/11/2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Thảo